

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN TOÁN KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: Chữ ký:
 Lớp kiểm tra: 10.....
 Thời gian kiểm tra:
 Nhận xét đề của tổ trưởng:

Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

**KIỂM TRA 45 PHÚT ĐS LỚP 10
 Lần 6:**

❖ *Ma trận đề*

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi				Tổng số câu hỏi, tổng số điểm
	Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Thấp	Cao	
Giải bất phương trình bậc nhất; bất phương trình chứa ẩn ở mẫu	2 câu 4,0				2 câu 4,0
Giá trị lượng giác thỏa đk cho trước		1 câu 3,0			1 câu 3,0
Tìm điều kiện tham số thỏa nghiệm phương trình, bất pt.			1 câu 3,0		1 câu 3,0
Tỉ lệ %	40	30	30		10,0

❖ *Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô*

Bài 1: (4 đ) Giải các bất phương trình sau:

- 1/ Bất phương trình bậc nhất
- 2/ Bất phương trình chứa ẩn ở mẫu

Bài 2: (3đ) Tìm giá trị lượng giác thỏa đk cho trước

Bài 3: (3đ) Tìm giá trị của m để phương trình, bất phương trình thỏa điều kiện cho trước.

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG
 TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

 LỚP : 10A7

**ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ KHỐI 10 LẦN 6
 MÔN THI : TOÁN**

NĂM HỌC: 2014 – 2015

(Thời gian làm bài: 45 phút)

Bài 1: (4,0 điểm) Giải các bất phương trình sau:

$$a / 3(x-1)(x-2) > 0$$

$$b / \frac{-2x^2 + 5x - 2}{3x - 8} \geq 0$$

Bài 2: (3,0 điểm) Cho $\cos a = \frac{3}{7}$ với $0 < a < \frac{\pi}{2}$. Tính $\sin a, \tan a, \cot a$.

Bài 3: (3,0 điểm) Tìm tham số m để phương trình $x^2 - 2mx + 3m - 2 = 0$ có hai nghiệm phân biệt x_1, x_2 thỏa mãn $x_1^2 + x_2^2 - 4 > 0$.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT KHỐI 10

Bài	Đáp án	Thang điểm														
1	a/ Giải bất phương trình $3(x-1)(x-2) > 0$	Σ 2,0 điểm														
	Ta có : $3(x-1) = 0 \Leftrightarrow x = 1$ $x-2 = 0 \Leftrightarrow x = 2$	0.5														
	Bảng xét dấu <table style="margin-left: auto; margin-right: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">$-\infty$</td> <td style="padding: 5px;">1</td> <td style="padding: 5px;">2</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">VT</td> <td style="padding: 5px;">$+$</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">$-$</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">$+$</td> </tr> </table>	x	$-\infty$	1	2	$+\infty$	VT	$+$	0	$-$	0	$+$	1.0			
	x	$-\infty$	1	2	$+\infty$											
	VT	$+$	0	$-$	0	$+$										
	Vậy tập nghiệm là : $T = (-\infty; 1) \cup (2; +\infty)$	0.5														
b/ Giải bất phương trình $\frac{-2x^2 + 5x - 2}{3x - 8} \geq 0$	Σ 2,0 điểm															
Ta có: $-2x^2 + 5x - 2 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 2 \\ x = \frac{1}{2} \end{cases}$	0.5															
$3x - 8 = 0 \Leftrightarrow x = \frac{8}{3}$	0.5															
1	Bảng xét dấu: <table style="margin-left: auto; margin-right: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">$-\infty$</td> <td style="padding: 5px;">$\frac{1}{2}$</td> <td style="padding: 5px;">2</td> <td style="padding: 5px;">$\frac{8}{3}$</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">VT</td> <td style="padding: 5px;">$+$</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">$-$</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">$+$</td> <td style="padding: 5px;">$$</td> <td style="padding: 5px;">$-$</td> </tr> </table>	x	$-\infty$	$\frac{1}{2}$	2	$\frac{8}{3}$	$+\infty$	VT	$+$	0	$-$	0	$+$	$ $	$-$	0.5
	x	$-\infty$	$\frac{1}{2}$	2	$\frac{8}{3}$	$+\infty$										
	VT	$+$	0	$-$	0	$+$	$ $	$-$								
Vậy tập nghiệm là: $T = \left(-\infty; \frac{1}{2}\right] \cup \left[2; \frac{8}{3}\right)$	0.5															
2	Cho $\cos a = \frac{3}{7}$ với $0 < a < \frac{\pi}{2}$. Tính $\sin a, \tan a, \cot a$.	Σ 3,0 điểm														
	Ta có $\sin^2 a + \cos^2 a = 1$ $\Rightarrow \sin a = \pm \sqrt{1 - \cos^2 a}$	1.0														
	$= \pm \sqrt{1 - \left(\frac{3}{7}\right)^2} = \pm \frac{2\sqrt{10}}{7}$	0.5														
	Vì $0 < a < \frac{\pi}{2}$ nên $\sin a = \frac{2\sqrt{10}}{7}$	0.5														

	$\tan a = \frac{\sin a}{\cos a} = \frac{\frac{2\sqrt{10}}{7}}{\frac{3}{7}} = \frac{2\sqrt{10}}{3}$	0.5
	$\cot a = \frac{\cos a}{\sin a} = \frac{\frac{3}{7}}{\frac{2\sqrt{10}}{7}} = \frac{3}{2\sqrt{10}} = \frac{3\sqrt{10}}{20}$	0.5
3	Tìm tham số m để phương trình $x^2 - 2mx + 3m - 2 = 0$ có hai nghiệm phân biệt x_1, x_2 thỏa mãn $x_1^2 + x_2^2 - 4 > 0$.	Σ 3,0 điểm
	Phương trình đã cho có 2 nghiệm phân biệt $x_1, x_2 \Leftrightarrow \begin{cases} a \neq 0 \\ \Delta' > 0 \end{cases}$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 1 \neq 0 \text{ (đúng)} \\ m^2 - 3m + 2 > 0 \end{cases}$	
	$\Leftrightarrow \begin{cases} m < 1 \\ m > 2 \end{cases} \quad (1)$	0.5
	Theo định lý Vi-ét: $\begin{cases} x_1 + x_2 = 2m \\ x_1 x_2 = 3m - 2 \end{cases}$ Theo đề bài: $x_1^2 + x_2^2 - 4 > 0 \Leftrightarrow (x_1 + x_2)^2 - 2x_1 x_2 - 4 > 0$	0.5
	$\Leftrightarrow (2m)^2 - 2(3m - 2) - 4 > 0 \Leftrightarrow 4m^2 - 6m > 0$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} m < 0 \\ m > \frac{3}{2} \end{cases} \quad (2)$	0.5
Từ (1) và (2) ta có: $\begin{cases} m < 0 \\ m > 2 \end{cases}$ thỏa yêu cầu bài toán .	0.5	

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)

Câu 1: (Biết)

Câu 2: (hiểu)

Câu 3: (vận dụng)

Duyệt của BGH

Duyệt của tổ trưởng